BÀI GIẢNG: KINH TẾ HOA KỲ
MÔN: ĐỊA LÍ 11
GIÁO VIÊN: VŨ HẢI NAM

MỤC TIÊU

- ✓ *Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.*
- ✓ *Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.*
- ✓ *Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.*
- ✓ *Luyện tập làm một số dạng câu hỏi TN THPT, ĐGNL.*

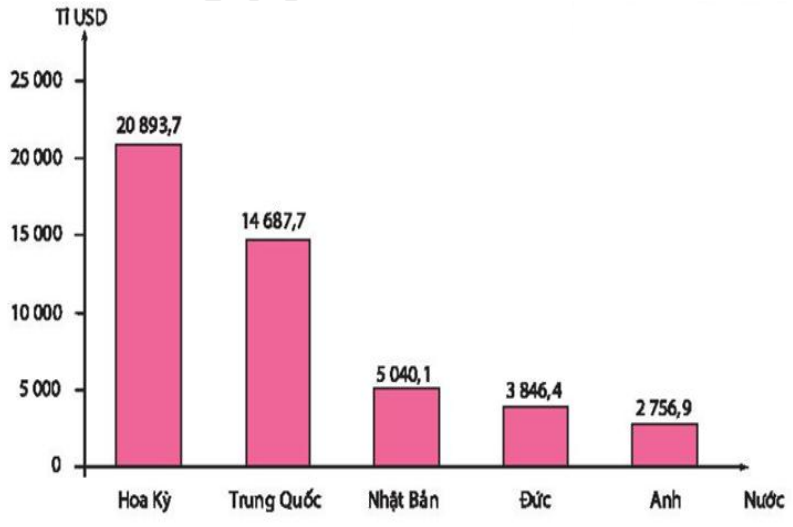
I. NỀN KINH TẾ HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1970 - 2020

Năm	1970	1990	2000	2019	2020
GDP theo giá hiện hành (tỉ USD)	1 073,3	5 963,1	10 250,9	21 372,6	20 893,7
Tỷ trọng so với GDP thế giới (%)	35,8	26,1	30,3	24,4	24,6
Tốc độ tăng GDP (%)	- 0,3	1,9	4,1	2,3	- 3,4

→ Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn nhất thế giới, Năm 2020 chiếm 24,6% của thế giới.

Tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định.



Hình 19.1. GDP của các nền kinh tế hàng đầu thế giới năm 2020

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

→ GDP của Hoa Kỳ gấp Trung Quốc 1,42 lần; gấp Nhật Bản 4,15 lần, gấp Đức 5,43 lần và gấp Anh 7,58 lần.

CƠ CẤU GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm	2000	2010	2020
Nông, lâm, thuỷ sản	1,2	1,0	0,9
Công nghiệp và xây dựng	22,5	19,3	18,4
Dịch vụ	72,8	76,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,5	3,4	0,6

→ Cơ cấu đa dạng, ngành DV chiếm tỷ trọng cao nhất.

Tập trung vào các lĩnh vực có trình độ khoa học – kĩ thuật cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Nền kinh tế có ảnh hưởng lớn tới kinh tế các nước trên thế giới.

Các lĩnh vực đứng đầu, dẫn dắt đối với kinh tế thế giới như công nghệ thông tin, hàng không vũ trụ, dược phẩm,… nhiều sản phẩm đứng đầu thế giới về quy mô và giá trị.

Nguyên nhân:

+ Vị trí địa lí thuận lợi cho giao lưu, trao đổi hàng hóa.

+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

+ Nguồn lao động dồi dào, có trình độ kĩ thuật, năng suất lao động cao.

+ Tham gia toàn cầu hóa kinh tế, phát triển nền kinh tế tri thức từ sớm, kinh tế thị trường phát triển ở mức độ rất cao.

+ Quá trình sản xuất luôn gắn liền với nghiên cứu khoa học – kĩ thuật.

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1 Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Vai trò:

+ Chỉ chiếm 0,9 % GDP nhưng tạo ra khối lượng hàng hoá đứng đầu thế giới.

+ Nông nghiệp phát triển bậc nhất thế giới.

Nông nghiệp:



Quy mô lớn, năng suất cao. Hình thức sản xuất chủ yếu là các trang trại.



Cây trồng chính là lúa mì, lúa gạo, ngô,đậu tương, ... vật nuôi chính là bò, lợn, gia cầm,...



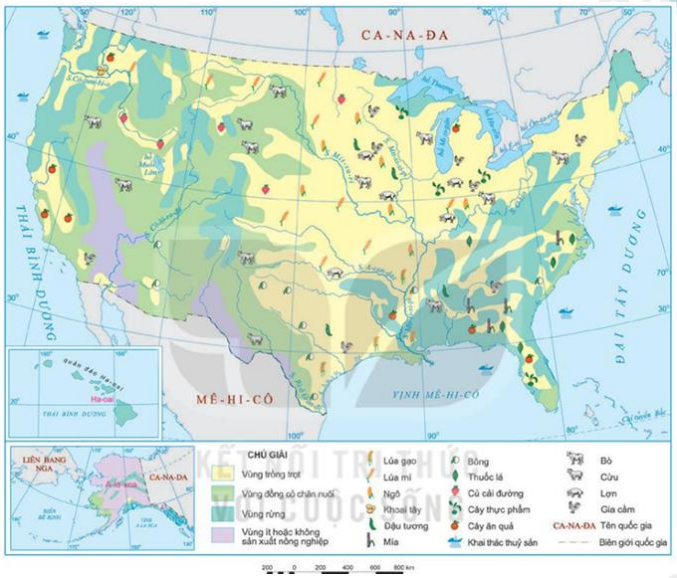
Là nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới.

Lâm nghiệp:

+ Quy mô lớn và mang tính công nghiệp. Sản lượng gỗ tròn của lớn nhất thế giới với 429,7 triệu m^3 (năm 2020).

+ Trồng rừng ngày càng được chú trọng phát triển.

+ Tập trung ở vùng núi Rốc-ki, ven vịnh Mê-hi-cô,..



Thủy sản:

+ Khai thác thủy sản phát triển mạnh do có nguồn lợi thuỷ sản dồi dào, phương tiện và công nghệ khai thác hiện đại.

+ Năm 2020, sản lượng thuỷ sản khai thác của Hoa Kỳ đạt 4,3 triệu tấn (đứng thứ sáu trên thế giới).

+ Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng còn thấp (0,5 triệu tấn) và đang có xu hướng tăng, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn, đồng thời giúp bảo vệ và duy trì nguồn lợi thuỷ sản tự nhiên.

2 Công nghiệp, xây dựng

SỰ PHÁT TRIỂN

+ Cường quốc CN, giá trị sản xuất CN đứng thứ 2 thế giới.
+ Năm 2020, chiếm 18.4% GDP, là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.
+ Cơ cấu đa dạng, nhiều ngành có trình độ KH - CN và kĩ thuật cao, sản lượng đứng hàng đầu thế giới.
+ Một số ngành tiêu biểu là: CN năng lượng và CN chế biến.

ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ

CN năng lượng	CN chế biến	CN hàng không - vũ trụ	Điện tử - tin học
Than: vùng núi A-pa-lát; dầu mỏ, khí đốt ở bang Tếch-dát, ven vịnh Mê-hi-cô…	Các bang trung tâm: Chi-ca-gô, Mít-xu-ri, A-can-dát, Mít-xi-xi-pi…	Ven vịnh Mê-hi-cô (Hao-xtơn, Đa-lát) và ven TBD (Lốt An-giơ-lét, Xít-tơn)	Khu vực đông bắc và phía tây.

Tập trung mạnh nhất ở KV đông bắc và chuyển dịch dần về các bang phía nam và ven TBD, hình thành Vành đai Mặt Trời.

3 Dịch vụ

Giao thông vận tải:

- Hệ thống giao thông:
  + Hiện đại.
  + Phủ khắp.
  + Phục vụ phát triển các ngành kinh tế.
- Đường ô tô:
  + 6,5 triệu km.

+ Lớn nhất thế giới.

+ Đường cao tốc: chất lượng tốt => thuận lợi thông thương

- Đường sắt và tàu điện ngầm:

+ Chiều dài lớn nhất.

+ Tự động hóa cao.

+ Trải rộng.

- Đường hàng không: có các sân bay lớn như: Át-lan-ta, Si-ca-gô, Lốt An-giơ-lét.

- Đường sông, hồ:

+ 41 nghìn km.

+ Sông Mi-xi-xi-pi, Ngũ Hồ.

- Đường biển:

+ Có vai trò quan trọng.

+ Niu Ooc-lin, Lốt An-giơ-lét, Hao-xtơn.

Du lịch:

- Quan trọng và phát triển mạnh.

- Điều kiện phát triển:

+ Tài nguyên phong phú.

+ Hạ tầng hiện đại.

- Tình hình phát triển:

+ Năm 2019: 74,9 triệu lượt.

+ Doanh thu: 193,3 tỉ USD.

Thương mại:

- Nội thương:

+ Đứng đầu.

+ Sức mua lớn.

+ Động lực phát triển.

- Ngoại thương:

+ Cường quốc.

+ Giá trị xuất nhập khẩu: Lớn (2020: 10,7% thế giới).

+ Mặt hàng xuất khẩu: đỗ tương, ngô, hóa chất, máy móc…

+ Mặt hàng nhập khẩu: nông nghiệp, nguyên liệu thô, thiết bị CN…

- Đối tác: Ca-na-da, Mê-hi-cô, EU, Trung Quốc.

Bưu chính viễn thông:

- Phát triển mạnh .

- Viễn thông đứng hàng đầu thế giới, phát triển tốc độ nhanh.

- Nhiều vệ tinh nhất thế giới và đã thiết lập hệ thống định vị toàn cầu (GPS).
- Tập trung chủ yếu ở các trung tâm ven Thái Bình Dương.

Tài chính ngân hàng:

- Thị trường tài chính lớn nhất.
- Ảnh hưởng nhất.
- Hoạt động rộng khắp.
- Trung tâm quan trọng nhất.
- Nguồn thu lớn nhất.

III. SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ KINH TẾ

1 Khu vực kinh tế Đông Bắc

- Kinh tế phát triển sớm nhất và mạnh nhất.
- Công nghiệp dệt, luyện kim, hoá chất, chế tạo máy, đóng tàu,.. phát triển.
- Tập trung nhiều công ty tài chính, bảo hiểm, thương mại, các cảng biển lớn nhất đất nước.
- Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Niu Óoc, Phi-la-đen-phi-a, Bô-xtơn,...





2 Khu vực kinh tế Trung Tây

- Kinh tế phát triển tương đối sớm.
- Có các vành đai rau và chăn nuôi bò sữa ở phía nam Ngũ Hồ; vành đai ngô, lúa mì,... ở Đồng bằng Trung tâm.
- Công nghiệp chế biến phát triển.
- Nhiều trung tâm dịch vụ lớn của cả nước.
- Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Đi-troi, Si-ca-gô, Can-dát Xi-ti...

3 Khu vực kinh tế phía Nam



- Phát triển mạnh từ cuối thế kỉ XX với sự xuất hiện của Vành đai Mặt Trời.

- Sản xuất các loại nông sản nhiệt đới và cận nhiệt đới.

- Công nghiệp truyền thống là chế biến thực phẩm, sản xuất máy nông nghiệp, khai thác và chế biến dầu khí.... Công nghiệp hiện đại là hàng không - vũ trụ, điện tử - tin học....

- Phát triển các lĩnh vực dịch vụ thông tin, phần mềm máy tính....

- Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Át-lan-ta, Hao-xtơn, Mai-a-mi...



4 Khu vực kinh tế phía Tây

- Phía tây nam là một trong những vùng sản xuất nông nghiệp hàng đầu của Hoa Kỳ. Phía tây bắc rất phát triển khai thác hải sản. Đồng bằng Lớn chăn nuôi bò thịt với quy mô lớn.

- Từ giữa thế kỉ XX, CN phát triển nhanh ở các bang phía tây nam ven Thái Bình Dương. Đặc biệt, thung lũng Si-li-côn nổi tiếng với công nghệ thông tin.

- Phát triển du lịch.

- Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Lốt An-giơ-lét, Xan Phran-xi-xcô, Xit-tơn.

- Ngoài ra còn có các khu vực kinh tế: A-la-xca và Ha-oai.

+ Khu vực A-la-xca có hoạt động kinh tế chủ yếu là: khai thác dầu khí, đánh cá, khai thác gỗ và nuôi tuần lộc.

+ Khu vực Ha-oai có du lịch là ngành kinh tế chính, ngoài ra còn phát triển trồng cây công nghiệp nhiệt đới.

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN VÀ CÂU HỎI CHÙM

Câu 1: Hoa Kỳ là nền kinh tế

A. hàng đầu thế giới.
B. ít có ảnh hưởng đối với thế giới.
C. chiếm hơn 50% của thế giới.
D. có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

Câu 2: Ngành có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Hoa Kỳ là

A. luyện kim. **B.** dệt. **C.** điện tử - tin học. **D.** gia công đồ nhựa.

Câu 3: Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao không phải là do

A. phát triển cao độ nền kinh tế thị trường.
B. đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu phát triển.
C. lao động năng suất cao, tiêu dùng nhiều.
D. khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây không phải thể hiện sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Tăng nhanh tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
B. Giảm tỉ mạnh trọng hoạt động thuần nông.
C. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.
D. Đa dạng hóa nông sản trên một diện tích.

Cho bảng số liệu sau và trả lời từ câu 5 đến câu 7:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm / Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,5	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Câu 5: Theo bảng số liệu, tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2000 và năm 2020 lần lượt là

A. 41,1 % và 45,9 %. **B.** 51,6 % và 46,6 %. **C.** 41,1 % và 54,5 %. **D.** 42,6 % và 43,6 %.

Câu 6: Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020?

A. Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
B. Trị giá nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

C. Trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu. **D.** Cán cân thương mại Hoa Kỳ xuất siêu.

Câu 7: Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 là

A. cột. **B.** đường. **C.** miền. **D.** tròn.

Câu 8: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ?

1) Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

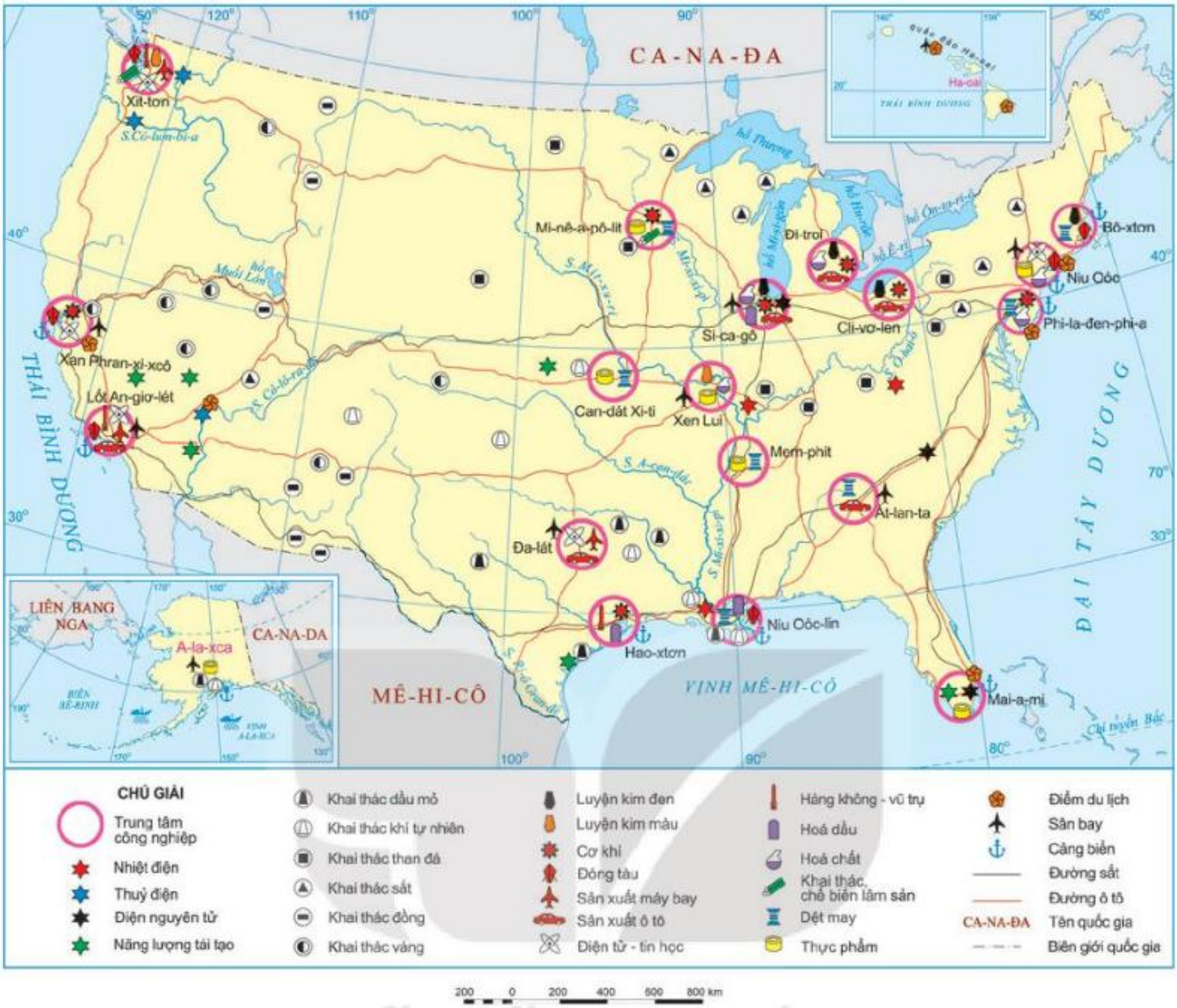
2) Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp thế giới, nguồn thu lớn.

3) Thông tin liên lạc rất hiện đại, cung cấp viễn thông cho rất nhiều nước.

4) Ngành du lịch phát triển chậm, số lượng du khách giảm, doanh thu ít.

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Cho bản đồ dưới đây và kiến thức đã học, trả lời từ câu 9 đến câu 11:



Câu 9: Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

A. vùng phía Nam và vùng phía Tây.

B. vùng phía Bắc và phía Nam.

C. ven Đại Tây Dương và phía Nam.

D. vùng Trung tâm và phía Bắc.

Câu 10: Hiện nay, ngành hàng không - vũ trụ của Hoa Kỳ phân bố tập trung ở khu vực nào sau đây?

A. Vùng núi Cooc-đi-e và ven Ngũ Hồ.

B. Ở vùng phía nam và Trung tâm.

C. Ven Thái Bình Dương và phía nam.

D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

Câu 11: Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020?

A. Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, điện tử - tin học.

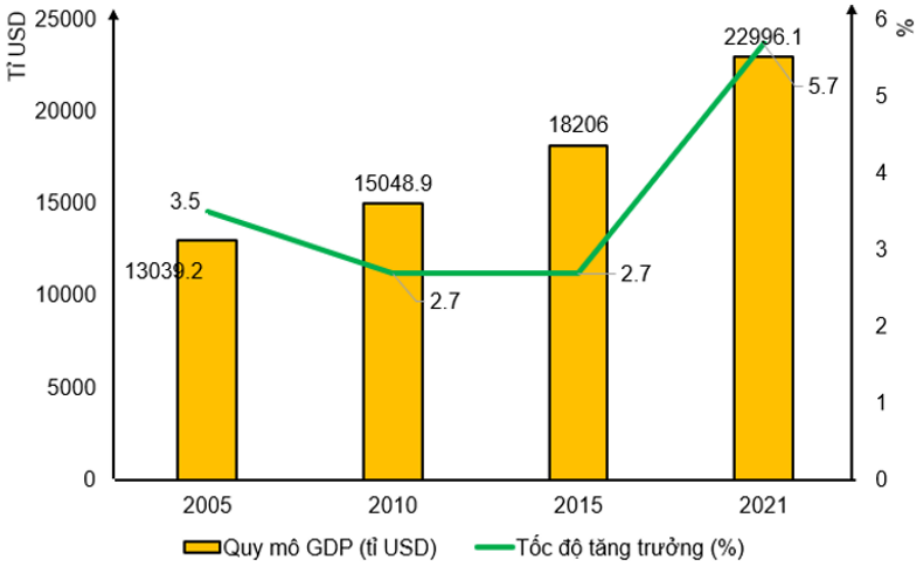
B. Hóa dầu, hàng không - vũ trụ, dệt may, luyện kim.

C. Đóng tàu, dệt may, chế tạo ô tô, hàng không - vũ trụ.

D. Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt may.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, giai đoạn 2005 - 2021

a) GDP của Hoa Kì tăng liên tục qua các năm.

b) Giai đoạn 2015-2021 GDP của Hoa Kỳ tăng nhanh nhất.

c) Giai đoạn 2010-2015 tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất và đạt giá trị âm.

d) Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Ngành công nghiệp đóng góp hơn 18% GDP của Hoa Kỳ (năm 2020). Đây là ngành quan trọng đối với việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp không ngừng tăng, từ hơn 3 300 tỉ USD (năm 2015) tăng lên hơn 3 800 tỉ USD (năm 2020).

a) Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay phát triển với tốc độ nhanh.

b) Ngành công nghiệp Hoa Kiỳ phát triển mạnh nhờ vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu tư Mỹ La-tinh.

c) Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng của Hoa Kỳ là ngành đứng hàng đầu thế giới.

d) Hiện nay hoạt động công nghiệp của Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng xuống phía Nam và sang phía Tây.

III. PHẦN TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2020, Hoa Kỳ có 45,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến và đạt doanh thu du lịch quốc tế là 84 205 triệu USD (Nguồn: WB, 2022). Tính bình quân chi tiêu du lịch của khách quốc tế đến Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người)?

Câu 2: Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kì là 4924,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì là – 627,5 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐIỀN KHUYẾT

Câu 1: Trung tâm tài chính quan trọng nhất của Hoa Kỳ là …

Câu 2: Hoạt động sản xuất của Hoa Kỳ tập trung mạnh nhất ở khu vực …

Câu 3: Ngành kinh tế chính của khu vực kinh tế Ha-oai …

HƯỚNG DẪN GIẢI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN VÀ CÂU HỎI CHÙM

Câu 1: Hoa Kỳ là nền kinh tế

A. hàng đầu thế giới.
B. ít có ảnh hưởng đối với thế giới.
C. chiếm hơn 50% của thế giới.
D. có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

Cách giải:

Hoa Kỳ là nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Đáp án: A.

Câu 2: Ngành có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Hoa Kỳ là

A. luyện kim. **B.** dệt. **C.** điện tử - tin học. **D.** gia công đồ nhựa.

Cách giải:

Ngành có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Hoa Kỳ là điện tử - tin học.

Đáp án: C.

Câu 3: Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao không phải là do

A. phát triển cao độ nền kinh tế thị trường. **B.** đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu phát triển.

C. lao động năng suất cao, tiêu dùng nhiều. **D.** khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên.

Cách giải:

Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao không phải là do khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên.

Đáp án: D.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây không phải thể hiện sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Tăng nhanh tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp. **B.** Giảm tỉ mạnh trọng hoạt động thuần nông.

C. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại. **D.** Đa dạng hóa nông sản trên một diện tích.

Cách giải:

Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại là phát biểu không phải thể hiện sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ.

Đáp án: C.

Cho bảng số liệu sau và trả lời từ câu 5 đến câu 7:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ,

GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm / Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,5	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Câu 5: Theo bảng số liệu, tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2000 và năm 2020 lần lượt là

A. 41,1 % và 45,9 %. **B.** 51,6 % và 46,6 %. **C.** 41,1 % và 54,5 %. **D.** 42,6 % và 43,6 %.

Cách giải:

Theo bảng số liệu, tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2000 và năm 2020 lần lượt là 42,6 % và 43,6 %.

Đáp án: D.

Câu 6: Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020?

A. Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu. **B.** Trị giá nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

C. Trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu. **D.** Cán cân thương mại Hoa Kỳ xuất siêu.

Cách giải:

Trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu là nhận xét đúng.

Đáp án: C.

Câu 7: Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 là

A. cột. **B.** đường. **C.** miền. **D.** tròn.

Cách giải:

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 là tròn.

Đáp án: D.

Câu 8: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ?

1) Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

2) Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp thế giới, nguồn thu lớn.

3) Thông tin liên lạc rất hiện đại, cung cấp viễn thông cho rất nhiều nước.

4) Ngành du lịch phát triển chậm, số lượng du khách giảm, doanh thu ít.

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Cách giải:

Có 3 phát biểu sau đây đúng về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ

Đáp án: C.

Cho bản đồ dưới đây và kiến thức đã học, trả lời từ câu 9 đến câu 11:



Câu 9: Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

A. vùng phía Nam và vùng phía Tây.

B. vùng phía Bắc và phía Nam.

C. ven Đại Tây Dương và phía Nam.

D. vùng Trung tâm và phía Bắc.

Cách giải:

Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến vùng phía Nam và vùng phía Tây.

Đáp án: A.

Câu 10: Hiện nay, ngành hàng không - vũ trụ của Hoa Kỳ phân bố tập trung ở khu vực nào sau đây?

A. Vùng núi Cooc-đi-e và ven Ngũ Hồ.

B. Ở vùng phía nam và Trung tâm.

C. Ven Thái Bình Dương và phía nam.

D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

Cách giải:

Hiện nay, ngành hàng không - vũ trụ của Hoa Kỳ phân bố tập trung ở khu vực ven Thái Bình Dương và phía nam.

Đáp án: C.

Câu 11: Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020?

A. Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, điện tử - tin học.

B. Hóa dầu, hàng không - vũ trụ, dệt may, luyện kim.

C. Đóng tàu, dệt may, chế tạo ô tô, hàng không - vũ trụ.

D. Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt may.

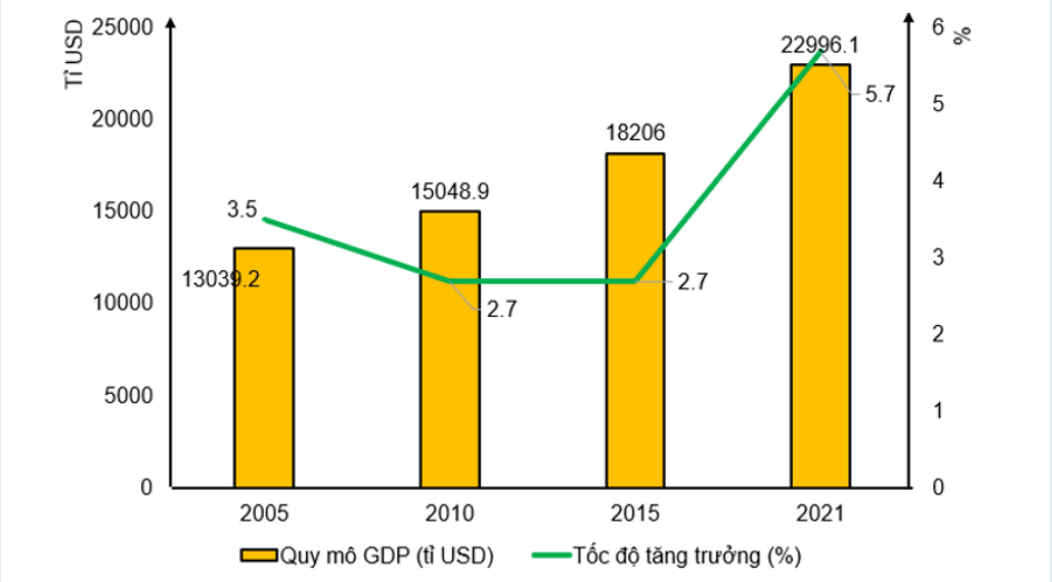
Cách giải:

Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt may là nhận xét đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020

Đáp án: D.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, giai đoạn 2005 - 2021

a) GDP của Hoa Kì tăng liên tục qua các năm.

b) Giai đoạn 2015-2021 GDP của Hoa Kỳ tăng nhanh nhất.

c) Giai đoạn 2010-2015 tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất và đạt giá trị âm.

d) Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm.

Cách giải:

a, b – Đúng.

c, d – Sai.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Ngành công nghiệp đóng góp hơn 18% GDP của Hoa Kỳ (năm 2020). Đây là ngành quan trọng đối với việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp không ngừng tăng, từ hơn 3 300 tỉ USD (năm 2015) tăng lên hơn 3 800 tỉ USD (năm 2020).

a) Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay phát triển với tốc độ nhanh.

b) Ngành công nghiệp Hoa Kiỳ phát triển mạnh nhờ vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu tư Mỹ La-tinh.

c) Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng của Hoa Kỳ là ngành đứng hàng đầu thế giới.

d) Hiện nay hoạt động công nghiệp của Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng xuống phía Nam và sang phía Tây.

Cách giải:

a, b – Sai.

c, d – Đúng.

III. PHẦN TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2020, Hoa Kỳ có 45,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến và đạt doanh thu du lịch quốc tế là 84 205 triệu USD (Nguồn: WB, 2022). Tính bình quân chi tiêu du lịch của khách quốc tế đến Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người)?

Cách giải:

Bình quân chi tiêu du lịch của khách quốc tế đến Hoa Kỳ năm 2020 là 1871 USD/người.

Đáp án: 1871

Câu 2: Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kì là 4924,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì là – 627,5 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Cách giải:

Trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì là 2776 tỉ USD.

Đáp án: 2776

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐIỀN KHUYẾT

Câu 1: Trung tâm tài chính quan trọng nhất của Hoa Kỳ là …

Cách giải:

Trung tâm tài chính quan trọng nhất của Hoa Kỳ là New York.

Đáp án: New York

Câu 2: Hoạt động sản xuất của Hoa Kỳ tập trung mạnh nhất ở khu vực …

Cách giải:

Hoạt động sản xuất của Hoa Kỳ tập trung mạnh nhất ở khu vực Đông Bắc.

Đáp án: Đông Bắc.

Câu 3: Ngành kinh tế chính của khu vực kinh tế Ha-oai …

Cách giải:

Ngành kinh tế chính của khu vực kinh tế Ha-oai là du lịch.

Đáp án: Du lịch